TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T D** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 36/2022/QĐST-HNGĐ	*T D, ngày 24 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị L Th M L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản X L, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh L Kh V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản X L, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ vào Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị L Th M L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản X L, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh L Kh V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản X L, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị L Th M L và anh L Kh V thuận tình ly hôn nhau.

- Về con chung: Chị L Th M L và anh L Kh V thỏa thuận giao cháu L Đ A, sinh ngày 21/06/2009 cho anh L Kh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị L Th M L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 *(một triệu)* đồng kể từ ngày 24/5/2022 cho đến khi cháu Đ A đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chị L Th M L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị L Th M L và anh L Kh V chưa yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ: Chị L Th M L và anh L Kh V không nợ ai, không cho ai vay nợ. Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L Th M L và anh L Kh V thỏa thuận chị La chịu 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0010631 ngày 26 tháng 4 năm 2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện T D;
- Chi cục THA huyện T D;
- UBND xã Y H;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Moong Công Hải